

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ AN KHÁNH**

Số: 100/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Khánh, ngày 10 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
6 tháng đầu năm 2023 của UBND xã An Khánh**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN KHÁNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ nghị quyết số 29/NQ - HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã An Khánh về việc phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước xã An Khánh năm 2023;

Căn cứ kết quả thực hiện thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023,

Xét đề nghị của Ban tài chính xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 của UBND xã An Khánh .

(Theo các biểu mẫu số 113;114;115/CK - NSNN và thuyết minh kèm theo quyết định này)

Điều 2. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã An Khánh, Ban tài chính thực hiện công khai trên cổng thông tin điện tử xã An Khánh./.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

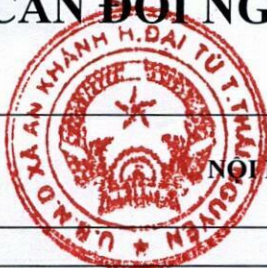
Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng xóm trong xã ;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Vinh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

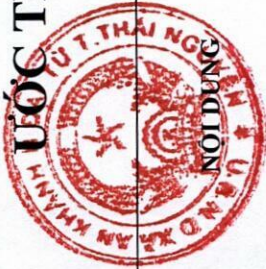
STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	6.312.034.000	4.713.633.343	74,68
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	54.000.000	44.544.109	82,49
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	157.000.000	370.037.987	235,69
3	Thu bổ sung	5.574.460.000	3.702.642.800	66,42
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.574.460.000	2.853.897.000	51,20
	- Bổ sung có mục tiêu		848.745.800	
4	Thu chuyển nguồn	526.574.000	596.408.447	113,26
II	TỔNG SỐ CHI	5.609.818.000	3.426.432.792	61,08
1	Chi đầu tư phát triển		540.955.800	
2	Chi thường xuyên	5.609.818.000	2.885.476.992	51,44
3	Dự phòng			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

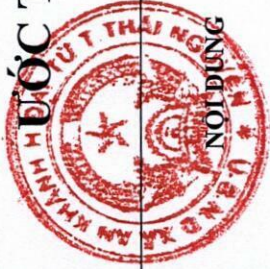
Đơn vị: đồng

STT	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)					
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX			
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.610.318.000		5.610.318.000	3.426.432.792	540.955.800	2.885.476.992	61,07		51,43
	Trong đó:									
	Tiết kiệm chi 10%									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	944.534.000		944.534.000	568.899.566		568.899.566	60,23		60,23
	Chi dân quân tự vệ	475.500.000		475.500.000	311.289.566		311.289.566	65,47		65,47
	Chi trật tự an toàn xã hội	469.034.000		469.034.000	257.610.000		257.610.000	54,92		54,92
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	38.442.000		38.442.000			
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	7.363.000		7.363.000	29,45		29,45
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000	540.955.800	540.955.800	540.955.800	1.545,59		
	Giao thông									
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác									
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.125.622.000		4.125.622.000	2.054.791.326		2.054.791.326	49,81		49,81
	Trong đó: Quỹ lương									
	Quản lý Nhà nước	2.501.922.000		2.501.922.000	1.422.738.684		1.422.738.684			
	Đảng Cộng sản Việt Nam	757.000.000		757.000.000	392.880.566		392.880.566	51,90		51,90
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	416.000.000		416.000.000	123.708.792		123.708.792	29,74		29,74
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	112.200.000		112.200.000	49.442.926		49.442.926	44,07		44,07
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	104.500.000		104.500.000	68.201.450		68.201.450	65,26		65,26



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A		1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Hội Cựu chiến binh	106.000.000		106.000.000	58.176.836		58.176.836	54,88		54,88
	Hội Nông dân	127.500.000		127.500.000	84.377.750		84.377.750	66,18		66,18
	Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể									
10	Chi cho công tác xã hội	210.284.000		210.284.000	100.142.100		100.142.100	47,62		47,62
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác				100.142.100		100.142.100			
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
	Khác									
11	Chi khác	234.878.000		234.878.000	101.139.000		101.139.000	43,06		43,06
	Chi khác	80.460.000		80.460.000						
	Phụ cấp nhân viên y tế xóm	16.092.000		16.092.000	21.266.000		21.266.000	132,15		132,15
	Hội NNCDĐC	16.092.000		16.092.000	8.046.000		8.046.000	50,00		50,00
	Hội đồng y	16.092.000		16.092.000	8.046.000		8.046.000	50,00		50,00
	Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	8.046.000		8.046.000	50,00		50,00
	Hội TNXP	25.000.000		25.000.000	14.572.200		14.572.200	58,29		58,29
	Hội chữ thập đỏ	65.050.000		65.050.000	41.162.800		41.162.800	63,28		63,28
	Hội người cao tuổi									
	Chi khác									
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
	Nộp trả ngân sách cấp trên									



ĐƯỢC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

Đơn vị: đồng

STT		DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	5.610.318.000		5.610.318.000	3.426.432.792	540.955.800	2.885.476.992	61,07		51,43
	Trong đó:									
	Tiết kiệm chi 10%									
	Chi công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội	944.534.000		944.534.000	568.899.566		568.899.566	60,23		60,23
	Chi dân quân tự vệ	475.500.000		475.500.000	311.289.566		311.289.566	65,47		65,47
	Chi trật tự an toàn xã hội	469.034.000		469.034.000	257.610.000		257.610.000	54,92		54,92
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế				38.442.000		38.442.000			
4	Chi văn hóa, thông tin	35.000.000		35.000.000	14.700.000		14.700.000	42,00		42,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh									
6	Chi thể dục, thể thao	25.000.000		25.000.000	7.363.000		7.363.000	29,45		29,45
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	35.000.000		35.000.000	540.955.800	540.955.800		1.545,59		
	Giao thông									
	Nông - lâm - thủy lợi - hải sản									
	Thị chính									
	Thương mại, du lịch									
	Các hoạt động kinh tế khác									
	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.125.622.000		4.125.622.000	2.054.791.326		2.054.791.326	49,81		49,81
	Trong đó: Quỹ lương				1.422.738.684		1.422.738.684			
	Quản lý Nhà nước	2.501.922.000		2.501.922.000	1.278.003.006		1.278.003.006	51,08		51,08
	Đảng Cộng sản Việt Nam	757.000.000		757.000.000	392.880.566		392.880.566	51,90		51,90
	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	416.000.000		416.000.000	123.708.792		123.708.792	29,74		29,74
	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	112.200.000		112.200.000	49.442.926		49.442.926	44,07		44,07
	Hội Liên hiệp Phụ nữ	104.500.000		104.500.000	68.201.450		68.201.450	65,26		65,26

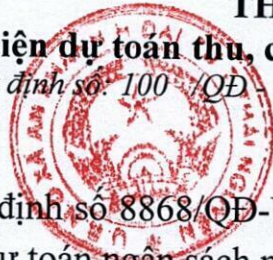
STT	MÔ TẢ	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A		1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Hội Chữ chiến binh	106.000.000		106.000.000	58.176.836		58.176.836	54,88		54,88
	Hội Nông dân	127.500.000		127.500.000	84.377.750		84.377.750	66,18		66,18
	Chi hỗ trợ khác (nếu có)									
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể									
10	Chi cho công tác xã hội	210.284.000		210.284.000	100.142.100		100.142.100	47,62		47,62
	Trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghi việc theo chế độ quy định và trợ cấp khác				100.142.100		100.142.100			
	Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa									
	Trợ cấp xã hội									
	Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng									
	Khác									
11	Chi khác									
	Chi khác	234.878.000		234.878.000	101.139.000		101.139.000	43,06		43,06
	Phụ cấp nhân viên y tế xóm	80.460.000		80.460.000						
	Hội NNCDĐC	16.092.000		16.092.000	21.266.000		21.266.000	132,15		132,15
	Hội đồng y	16.092.000		16.092.000	8.046.000		8.046.000	50,00		50,00
	Hội khuyến học	16.092.000		16.092.000	8.046.000		8.046.000	50,00		50,00
	Hội TNXP	16.092.000		16.092.000	8.046.000		8.046.000	50,00		50,00
	Hội chữ thập đỏ	25.000.000		25.000.000	14.572.200		14.572.200	58,29		58,29
	Hội người cao tuổi	65.050.000		65.050.000	41.162.800		41.162.800	63,28		63,28
	Chi khác									
12	Dự phòng									
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau									
	Nộp trả ngân sách cấp trên									



THUYẾT MINH

Thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 100/QĐ-UBND ngày 10 / 7/2023 của UBND xã An Khánh)



Căn cứ Quyết định số 8868/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND huyện Đại Từ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Đại Từ năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của Hội đồng nhân dân xã An Khánh về việc phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Trên cơ sở bám sát các nội dung chỉ đạo của Phòng Tài Chính - Kế hoạch huyện Đại Từ, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã An Khánh nên việc triển khai, thực hiện các nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 đã đạt được những kết quả cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách.

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023 là: 4.957.010.677 đồng, đạt 74,14% kế hoạch HĐND xã giao. Trong đó: Tổng thu ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2023 là: 4.713.633.343 đồng, đạt 74,68% kế hoạch huyện giao đầu năm. Cụ thể như sau:

- Thu thuế GTGT - TNDN 6 tháng đầu năm 2023 : 270.355.856 đồng đạt 466,13 % kế hoạch.
- Lệ phí chứng thực 6 tháng đầu năm 2023 : 5.730.000 đồng đạt 15,49% kế hoạch giao đầu năm.
- Lệ phí trước bạ nhà đất 6 tháng đầu năm 2023 : 22.815.804 đồng, đạt 24,53% kế hoạch.
- Lệ phí môn bài 6 tháng đầu năm 2023 : 6.600.000 đồng, đạt 110% kế hoạch
- Phí bảo vệ môi trường 6 tháng đầu năm 2023 : 30.682.109 đồng
- Thu từ đất SXKD phi nông nghiệp năm 2023: 70.266.327 đồng

1.2 Thu trợ cấp 6 tháng đầu năm 2023 : 3.702.642.800 đồng, đạt 66,42% kế hoạch. Trong đó:

- Trợ cấp cân đối: 2.853.897.000 đồng đạt 51,2% kế hoạch
- Trợ cấp có mục tiêu: 848.745.800 đồng

2. Chi ngân sách

Tổng chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 là: 3.426.432.792 đồng, đạt 61,07% kế hoạch.

Cụ thể như sau:

2.1. Chi thường xuyên 6 tháng đầu năm 2023: 2.885.476.992 đồng, đạt 51,43% kế hoạch. Trong đó:

- Chi công tác Dân quân tự vệ và An ninh trật tự 6 tháng đầu năm 2023: 568.899.566 đồng, đạt 60,23% kế hoạch.



- Chi sự nghiệp Thể dục thể thao 6 tháng đầu năm 2023: 7.363.000 đồng, đạt 29,45% kế hoạch.

- Chi sự nghiệp xã hội 6 tháng đầu năm 2023: 100.142.100 đồng, đạt 47,62% kế hoạch.

- Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể 6 tháng đầu năm 2023: 2.054.791.326 đồng, đạt 49,81 % kế hoạch trong đó:

+ Chi quản lý Nhà nước 6 tháng đầu năm 2023: 1.278.003.006 đồng, đạt 51,08 % kế hoạch.

+ Chi Đảng cộng sản 6 tháng đầu năm 2023: 392.880.566 đồng, đạt 51,9% kế hoạch.

+ Chi Mặt trận Tổ quốc 6 tháng đầu năm 2023: 123.708.792 đồng, đạt 29,74% kế hoạch.

+ Chi Đoàn thanh niên CSHCM 6 tháng đầu năm 2023: 49.442.926 đồng, đạt 44,07% kế hoạch.

+ Chi hội Liên hiệp phụ nữ 6 tháng đầu năm 2023: 68.201.450 đồng, đạt 65,26% kế hoạch.

+ Chi hội Nông dân 6 tháng đầu năm 2023: 30.298.639 đồng, đạt 28,58% kế hoạch.

+ Chi hội Cựu chiến binh 6 tháng đầu năm 2023: 58.176.836 đồng, đạt 54,88% kế hoạch.

+ Chi Hội Cựu thanh niên xung phong 6 tháng đầu năm 2023: 8.046.000 đồng, đạt 50% kế hoạch.

+ Chi Hội Nạn nhân chất độc da cam 6 tháng đầu năm 2023: 8.046.000 đồng, đạt 50% kế hoạch.

+ Chi Hội Chữ thập đỏ 6 tháng đầu năm 2023: 14.572.200 đồng, đạt 58,29% kế hoạch.

+ Chi Hội Người cao tuổi 6 tháng đầu năm 2023: 41.162.800 đồng, đạt 63,28% kế hoạch.

+ Chi Hội Khuyến học 6 tháng đầu năm 2023: 8.046.000 đồng, đạt 50% kế.

+ Chi Hội Đông y 6 tháng đầu năm 2023: 8.046.000 đồng, đạt 50% kế.

BIÊN BẢN

**Niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán
6 tháng đầu năm 2023 Của UBND xã An Khánh**

Hôm nay, hồi 16 giờ 30 phút ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại UBND xã An Khánh thành phần gồm có:

Chúng tôi gồm:

1. Ông: Nguyễn Văn Hiệu - Chức vụ: Bí thư Đảng ủy xã
2. Ông: Hoàng Văn Vinh - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã
3. Bà: Nguyễn Thị Tịnh - Chức vụ: Kế toán NS xã
4. Ông: Phạm Văn Mạnh - Chức vụ: Cán bộ Văn phòng - Thống kê xã

Có sự chứng kiến của:

1. Ông: Nguyễn Văn Hoan - CT Hội CCB - Chủ tịch công đoàn xã
2. Ông: Phạm Văn Cường - CT Hội ND xã, Trưởng Ban TTND

Nội dung: Thống nhất niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2023 nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: Công khai tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2023 của Ủy ban nhân dân xã An Khánh.

(Có quyết định công khai dự toán kèm theo)

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 10/7/2023 đến hết ngày 10/8/2023.

- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại UBND xã An Khánh.

Biên bản lập xong hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN



Phạm Văn Mạnh

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Vinh

ĐẠI DIỆN NHỮNG NGƯỜI DỰ HỌP



Nguyễn Văn Hoan

Số: 4 /TB-UBND

An Khánh, ngày 11 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc niêm yết công khai tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2023 của UBND xã An Khánh

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách Nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính;

Căn cứ Quyết định 8868/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Đại Từ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Đại Từ năm 2023;

Căn cứ nghị quyết số 29/NQ - HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND xã An Khánh về việc phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước xã An Khánh năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 100 /QĐ - UBND ngày 10/ 7 /2023 của UBND xã An Khánh về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2023;

Ủy ban nhân dân xã An Khánh thông báo tới toàn thể nhân dân trong xã và các ngành tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2023 của UBND xã An Khánh như sau:

1. Thời gian công khai.

Thời gian công khai là 30 ngày bắt đầu công khai từ 16 giờ 30 phút ngày 10/7 /2023 kết thúc ngày 10 /8 /2023 lúc 16 giờ 30 phút .

2. Hình thức công khai.

Thông báo danh sách trên hệ thống loa truyền thanh của xã, và niêm yết tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2023 theo biểu mẫu quy định tại thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ tài chính tại trụ sở UBND xã.

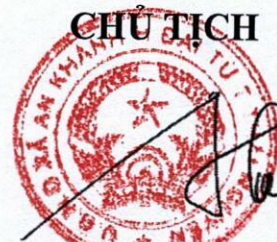
3. Địa điểm công khai:

Niêm yết số liệu thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm tại trụ sở UBND xã.

Vậy UBND xã An Khánh thông báo tới toàn thể nhân dân trong xã , các ngành được phân bổ thụ hưởng ngân sách năm được và có ý kiến tham gia phản ánh về UBND xã thông qua văn phòng UBND, Công chức Tài chính - Kế toán xã tổng hợp, báo cáo và kịp thời điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Ban TV. Đảng ủy;
- TT. HĐND;
- Lãnh đạo UBND;
- Trưởng các ngành;
- CC.UBND xã;
- Bộ phận VH TT
- Lưu: VP-UBND.



Hoàng Văn Vinh